

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH ĐỒNG NAI

TẬP HUẤN XÂY DỰNG
CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP NĂM 2024

NỘI DUNG TRÌNH BÀY:

I/ *Nội dung cơ bản của Quyết định số 387/QĐ-TTg* ngày 25/3/2022 Phê duyệt chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030” (Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 2/6/2022).

II/ *Triển khai Quyết định số 324/QĐ-KHVN* ngày 25/10/2023 của Hội Khuyến học Việt Nam về “Đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030”

III/ *Thông tư 24/2023/TT-BGDĐT* ngày 11/12/2023 Quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, cấp tỉnh

IV/ *Thông tư 25/2023/TT-BGDĐT* ngày 27/12/2023 Quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh

VI/ *Kế hoạch* của tỉnh hội triển khai thực hiện xây dựng các MHHT năm 2024.

I/ QUYẾT ĐỊNH 387/QĐ-TTg:

Mục tiêu cụ thể

a) Đến 2025:

- 100% CB, HV quán triệt chủ trương về KH, KT, XDXHHT
- 80% GĐHT; 75% DHHT; 75% CĐHT, 85% CQ cấp xã là ĐVHT.
- 40% NLD trong “GĐHT”, “DHHT”, “CĐHT”, 60% CB, CC, nhân viên trong “ĐVHT” đạt danh hiệu “CDHT”.
- 100% CT hoặc PCT HKH xã tham gia quản lý TTVHTTHTCĐ. 40% CB khuyến học cấp xã tham gia tổ chức hoạt động của TT VHTTHTCĐ, được bồi dưỡng CNTT.

b) Đến 2030:

- 100% CB, HV HKH quán triệt chủ trương về KH, KT, XDXHHT
- 90% GĐHT, 85% DHHT, 85% CĐHT, 90% ĐVHT
- 60% NLD trong “GĐHT”, “DHHT”, “CĐHT”, 80% CB, CC, VC trong “ĐVHT” đạt “CDHT”.
- 70% CB KH xã tham gia tổ chức hoạt động của TTVHTTHTCĐ, được tập huấn CNTT

I. TIÊU CHÍ GIA ĐÌNH HỌC TẬP

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập (60 đ)	1. TE trong độ tuổi đi học được đến trường, hoàn thành PCGD theo quy định.	10
	2. KQ học tập đạt y/c do Bộ GDĐT quy định. Từ bậc tiểu học, TE đã có kỹ năng học trực tuyến do trường tổ chức.	10
	3. Hạnh kiểm HS, SV đạt y/c theo quy định Bộ GDĐT. TE lễ phép trong GD, KDC và ngoài XH; Đoàn viên HTTNV và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của Đoàn; tích cực tham gia hoạt động chung ở nơi cư trú.	10
	4. 100% tuổi 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức 2 trở lên; Vùng núi, vùng ĐBKK từ 90% trở lên. NCT học tập ít nhất 01 ND phục vụ cuộc sống hàng ngày.	15
	5. 90% CB, CC, VC trong GD được ĐT, BD về chuyển đổi số, kỹ năng số và CM theo quy định; 70% người lớn là CB, CC, VC, NLD được học chương trình giáo dục KN sống; 40% người lớn trong gia đình đạt CDHT;	15
II. Điều kiện học tập (20 đ)	6. Mọi người trong GD giúp đỡ nhau, tạo đk học tập tại trường, TTHTCĐ, NVH, dự hội nghị. Có hình thức khen thưởng thành viên tích cực tự học, HTTX	10
	7. Có góc HT cho TE, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc ĐTTM để mọi người có ĐK tự học và HTTX. - Người lớn là CB, CC, VC trong GD biết ít nhất 01 NN hoặc tiếng DTTS để SD vào công việc...	10
III. Tác dụng của HT (20 đ)	8. GD thoát nghèo hoặc mức sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ hết tuổi LĐ). Biết XD, thực hiện KHSX, KD, DV, góp phần PT KT.	10
	9. GD hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với GD khác. Tích cực tham gia công tác KH, các CVĐ như “toàn dân đoàn kết ..”, “ XDNTM, đô thị văn minh” và các phong trào khác. Tích cực gìn giữ môi trường X,S,Đ.	10

2. TIÊU CHÍ MÔ HÌNH DÒNG HỌ HỌC TẬP

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025)	Điểm
I. Kết quả học tập (55 điểm)	1. 80% số GD của dòng họ đạt danh hiệu “GDHT” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, ĐBKK). Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). - 90% đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	2. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBKK từ 90% trở lên	15
	3. 40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “CDHT”	20
II. Điều kiện học tập (25 điểm)	4. Dòng họ có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời những thành viên có tinh thần tự học và tham gia HTTX, giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.	15
	5. Quỹ KH của dòng họ đạt từ 66.000 đồng/đầu người và ngày càng tăng. Nơi khó khăn là 60.000 đ/ng	10
III. Tác dụng của học tập (20 điểm)	6. Dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình đoàn kết, giúp đỡ nhau trong SX, KD, DV. Người trong độ tuổi LĐ đều có nghề hoặc việc làm ổn định.	10
	7. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng NTM, đô thị văn minh, TĐKXDĐSVHKDC; phát triển văn hóa đọc, HTSĐ trong TTHTCĐ, nhà văn hóa, thư viện... và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10

3. TIÊU CHÍ MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025)	Điểm
I. Kết quả học tập (50 điểm)	1. 80% số gia đình trong cộng đồng đăng ký đạt danh hiệu “GDHT” (60% với vùng núi, vùng sâu, đbkk); trong đó 70% trở lên số đăng ký đạt “GDHT”.	20
	2. 40% trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu CDHT - 90% đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	3. - 100% người lớn HTTX tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 - 100% trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, ĐBKK từ 90% trở lên.	10
II. Điều kiện học tập (30 điểm)	4. Chi bộ đảng và ấp/khu phố có kế hoạch và chỉ tiêu xây dựng các mô hình: GDHT, CDHT, CDHT	10
	5. Chi hội Khuyến học ấp/khu phố có nhiều hình thức động viên, khen thưởng với những người tích cực HTTX. Quỹ khuyến học ấp/khu phố đạt mức từ 66.000đ/đầu người và ngày càng tăng, nơi kk là 60.000 đ/ng.	10
	6. Trong ấp/khu phố có ít nhất 02 trong các phương tiện học tập cộng đồng (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10
III. Tác dụng của học tập (20 điểm)	7. Trong ấp/khu phố , mọi người trong tuổi LĐ ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo.	10
	8. Nhân dân trong ấp/khu phố tích cực tham gia học tập tại TTHTCĐ, NVH, thư viện; triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết, “xây dựng NTM”, “xây dựng khu đô thị văn minh”;	10

4. TIÊU CHÍ MÔ HÌNH ĐƠN VỊ HỌC TẬP

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025)	Điểm
I. Kết quả học tập (50 điểm)	1. 90% CB, CC, VC được học tập những KN sống cần thiết	10
	2. - 90% CB, CC, VC tham gia HT chương trình theo quy định NN, ĐV. - 90% LĐ có trình độ THPT hoặc tương đương trở lên.	10
	3. - 90% CB, CC, VC được đào tạo về chuyển đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc; - 40% CB, CC, VC có trình độ NN hoặc tiếng DTTS đáp ứng y/c công việc.	10
	4. 40% CB, CC, VC đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
II. Điều kiện học tập (30 điểm)	5. Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị có KH, chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành CDHT Các đoàn thể trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên thành viên của mình HTTX đạt kết quả tốt.	10
	6. Đơn vị có phương tiện cho việc HTTX của các thành viên, nhất là trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10
	7. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Quỹ KH của đơn vị, đạt 66.000đ/đầu người và ngày càng tăng, nơi khó khăn là 60.000 đ/ng.	10
III. Tác dụng của học tập (20 điểm)	8. Hàng năm, đơn vị đạt thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10
	9. Gia đình các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phấn đấu xây dựng “GDHT”, trong đó 80% gia đình CB, CC, VC đạt danh hiệu “GDHT”	10

II. Quyết định 324/QĐ-KHVN ngày 25/10/2023 “Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030”

Thay thế Quyết định 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022.

- ***Các nội dung giữ nguyên:*** 3 nhóm tiêu chí; 2/ Nội dung các chỉ số; 3/ Tổng số điểm 100.
- ***Các nội dung thay đổi :***
 - 1/ Các nhóm đối tượng (Thêm nhóm, thay đổi cách phân chia);
 - 2/ Thêm chỉ số đánh giá 9/10;
 - 3/ Tên gọi các nội dung: Chỉ tiêu/Chỉ số đánh giá; Kết quả học tập/Năng lực tự học, HTSD; Điều kiện học tập/Năng lực sử dụng công cụ HT; Tác dụng của học tập/ Năng lực xây dựng và thực hiện các môi QHXH

- Về nhóm đối tượng:
 - **Nhóm 1 Cán bộ công nhân viên, doanh nhân** : CB, CC, VC; sĩ quan, HSQ, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ QĐND; SQ, HSQ, chiến sĩ CAND; người quản lý các tổ chức kinh tế, DN.
 - **Nhóm 2 Người học**: học sinh, sinh viên, học viên, trong các cơ sở giáo dục cấp tỉnh, cấp huyện (từ cấp THPT trở lên), cơ sở GDNN
 - **Nhóm 3 Người lao động**: công nhân, người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật.
 - **Nhóm 4 Người dân trong xã**: nông dân và lao động nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan

BỘ TIÊU CHÍ KHUNG MÔ HÌNH “CÔNG DÂN HỌC TẬP”
(Kèm theo Quyết định 324/QĐ-HKVN ngày 25/10/2023 của HKH Việt Nam)

Tiêu chí khung	CHỈ TIÊU (các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, HTSD	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, phương tiện TTĐC, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/XD kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc nhiệm vụ do CQ, tổ chức quy định.	10
	3. Kỹ năng sắp xếp hợp lí công việc để tham gia các hoạt động cộng đồng tại các cơ sở, thiết chế văn hoá, GD, hoặc hội thảo, hội nghị.	10
	4. Kỹ năng động viên và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp được HTTX.	10
II. Năng lực SD công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng, HQ cao, đóng góp nhiều cho XH.	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ..và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực XD thực hiện các mối QHXH	9. Kỹ năng thiết lập mối QH thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột. Có trách nhiệm với GD, XH. Tuân thủ tốt PL.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động XH. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hoá. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng điểm tối đa: 100 điểm		100

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DÙNG CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, DOANH NHÂN

Tiêu chí	CHỈ TIÊU	Điểm
1. Tiêu chí: Năng lực tự học, HTSD (40 điểm)	<i>Chỉ tiêu 1:</i> Hằng ngày cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, đài phát thanh, TV, trên mạng Internet.	10
	<i>Chỉ tiêu 2:</i> Tham gia học tập tại cơ sở GDTX, các thiết chế VH, TTDN; học các chương trình phục vụ công việc hoặc do CQ, DN quy định.	10
	<i>Chỉ tiêu 3:</i> Tham gia hoạt động của các thiết chế VH tại cộng đồng, các CVD của CQ, DN tổ chức, phát động.	10
	<i>Chỉ tiêu 4:</i> KK, đồng viên GD, bạn bè, đồng nghiệp học tập, chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao kiến thức chuyên môn, tay nghề.	10
2. Tiêu chí: Năng lực SD công cụ học tập, làm việc (40 điểm)	<i>Chỉ tiêu 5:</i> SD được một hoặc nhiều thiết bị như: CNTT, ĐTTM, để làm tốt SXKD. TMĐT kết nối với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin, kiến thức. Sử dụng các DV công trực tuyến. Không VPPL về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
	<i>Chỉ tiêu 6:</i> Sử dụng được NN để hiểu hướng dẫn khi sử dụng sản phẩm gia dụng, chăn nuôi, trồng trọt, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	<i>Chỉ tiêu 7:</i> Có đổi mới, sáng tạo trong SX, KD; cải tiến KT, nâng cao NSLĐ; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10
	<i>Chỉ tiêu 8:</i> Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý áp dụng trong LĐ, SX, KD và hoạt động xã hội.	10
3. Tiêu chí Năng lực XD và thực hiện các QHXX (20 điểm)	<i>Chỉ tiêu 9:</i> XD mối gắn kết với dân nơi sinh sống. Có trách nhiệm với GD, ĐV, và cộng đồng. Tuân thủ PL. Ứng xử có VH, văn minh. Tích cực XD tập thể, CQ đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”.	10
	<i>Chỉ tiêu 10:</i> Hợp tác, chia sẻ trong LĐ, HĐXH. Tôn trọng BĐG, sự ĐDVH và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức BVMT. Thực hiện và vận động mọi người đoàn kết XDĐSVH, NTM, ĐTVM	10

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DÙNG CHO ĐÔI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm
1. Năng lực tự học, HTSD (40 điểm)	<i>Chỉ tiêu 1.</i> Hàng ngày có dành thời gian đọc sách báo, cập nhật thông tin trên các PTTTĐC hoặc trong điện thoại, thiết bị điện tử cầm tay.	10
	<i>Chỉ tiêu 2.</i> XD, thực hiện KHHT theo chương trình do DN, cơ sở SX tổ chức, học các lớp ngắn hạn, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, Trung tâm NNTH...	10
	<i>Chỉ tiêu 3.</i> Sắp xếp để có thời gian tham gia hoạt động NVH, CLB, TV, hội nghị, hội thảo có ND liên quan đến việc đang làm, các CVĐ tại cộng đồng.	10
	<i>Chỉ tiêu 4.</i> Quan tâm, hỗ trợ, tạo ĐK để người thân trong GD, bạn bè, đồng nghiệp HTTX, chia sẻ KN làm ăn, phát triển NN, nâng cao kiến thức,	10
2. Năng lực SD công cụ học tập, làm việc (40 đ)	<i>Chỉ tiêu 5.</i> SD được máy vi tính, ĐTTM, các TBĐT để làm tốt nhiệm vụ SX, kết nối với đồng nghiệp, đối tác để phát triển CMNV, nâng cao tay nghề.	10
	<i>Chỉ tiêu 6.</i> Biết NN để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được HD cơ bản về công việc làm ăn, SD thiết bị SX.	10
	<i>Chỉ tiêu 7.</i> Biết tính toán hợp lý hóa thao tác, tổ chức nơi làm việc KH; cải tiến KT, nâng cao NSLĐ; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp	10
	<i>Chỉ tiêu 8.</i> Biết phân tích, định ra PA hợp lý trong XD KHSX, tổ chức và QL công việc, QL bảo dưỡng công cụ, thiết bị, tiết kiệm NVL; đảm bảo ATLĐ.	10
3. Năng lực XD thực hiện QHXX (20)	<i>Chỉ tiêu 9.</i> XD thiện cảm với khách hàng không làm hàng giả, hàng kém CL. Tuân thủ KLLĐ. Có trách nhiệm GD, CQ, DN, tập thể NLĐ và CĐ, XH	10
	<i>Chỉ tiêu 10.</i> Gắn kết, chia sẻ với đồng nghiệp CQ, ĐV; giúp đỡ khi gặp khó khăn, XD tập thể LĐTĐ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức BVMT, thực hiện và vận động XDĐSVHKDC và xây dựng ĐTVM.	10
Tổng cộng		100

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DÙNG CHO ĐÔI TƯỢNG NGƯỜI DÂN TRONG XÃ

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm
1. Tiêu chí: Năng lực tự học, HTSD (40 điểm)	<i>Chỉ tiêu 1.</i> Hàng ngày dành thời gian đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài, TV, ĐTDĐ	10
	<i>Chỉ tiêu 2.</i> Tham gia học tập tại TTHTCĐ, TT dạy nghề, để làm tốt các công việc liên quan đến phát triển KT nông thôn.	10
	<i>Chỉ tiêu 3.</i> Biết sắp xếp thời gian LĐ hợp lý để tham gia hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức XH, sinh hoạt ở NVH, CLB, thư viện tại xã.	10
	<i>Chỉ tiêu 4.</i> Chăm lo, giúp đỡ, khuyến khích người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng HTTX.	10
2. Tiêu chí: Năng lực SD công cụ học tập, làm việc (40 đ)	<i>Chỉ tiêu 5.</i> SD ĐTDĐ hoặc máy tính bảng, ipad vào SX, buôn bán, DV có hiệu quả (TMĐT).	10
	<i>Chỉ tiêu 6.</i> Tham gia học 1 NN hoặc tiếng DTTS để chào hỏi, xã giao, hiểu được HD bằng tiếng nước ngoài phục vụ SX và cuộc sống.	10
	<i>Chỉ tiêu 7.</i> Biết xếp sắp công việc hợp lý để có NSLĐ cao hơn, HQ tốt hơn, tăng thu nhập hơn.	10
	<i>Chỉ tiêu 8.</i> Biết tính toán, suy nghĩ, phân tích, đánh giá tác động đến công việc sẽ triển khai trong SX, KD, DV trước khi quyết định thực hiện.	10
3. Tiêu chí Năng lực XD thực hiện QHXH (20 đ)	<i>Chỉ tiêu 9.</i> Thân thiện, hòa đồng với người; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm. Tham gia giữ gìn TTATGT	10
	<i>Chỉ tiêu 10.</i> Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong LDSX và hoạt động XH; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức BVMT.	10
Tổng cộng		100

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DÙNG CHO NGƯỜI HỌC

Chỉ tiêu	Đánh giá
a) Chỉ tiêu 1: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đạt
b) Chỉ tiêu 2: Kết quả học tập và rèn luyện đạt yêu cầu theo các văn bản quy định về đánh giá học sinh, sinh viên, học viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Đạt
c) Chỉ tiêu 3: Không vi phạm các quy định của cơ sở giáo dục và đào tạo, quy định pháp luật của Nhà nước đến mức bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.	Đạt
d) Chỉ tiêu 4: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu; tham gia nghiên cứu khoa học, định hướng phát triển nghề nghiệp bản thân.	Đạt

SO SÁNH QUYẾT ĐỊNH 324 VÀ 244

	VĂN BẢN 244	VĂN BẢN 324
Tên gọi	<ol style="list-style-type: none"> 1. Năng lực cốt lõi 2. Kỹ năng phẩm chất mong muốn 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiêu chí 2. Chỉ tiêu
Đối tượng	<p>3 nhóm: 1/ nông dân và LĐ nông thôn.2/ công nhân, LĐ thủ công, LĐ tự do. 3/ CB, CC, VC nhân viên... từ cấp xã trở lên, doanh nhân, người quản lý, LLVT. Có đối tượng hưu trí</p>	<p>4 nhóm: 1/ CNV và doanh nhân: CB, CC, VC quân đội, CA; người QLKT, doanh nghiệp. 2/ Người học: HS, SV, học viên. 3/ Người lao động: công nhân, LĐ có trình độ CMKT. 4/ người dân trong xã: nông dân và LĐ nông thôn. Không có đối tượng hưu trí, thêm người học</p>
Tiêu chí	<p>3 nhóm tiêu chí, 10 chỉ số đánh giá, 100 điểm</p>	<p>3 nhóm tiêu chí, 10 chỉ tiêu đánh giá, 100 điểm. Nội hàm tiêu chí cơ bản như 244 Riêng nhóm người học: 4 chỉ tiêu không cho điểm</p>
Cách đánh giá	<p>2 cách: a/ Đánh giá qua chi hội và HKH xã, UBND xã công nhận, b/ Đánh giá bằng bộ công cụ. Cá nhân các CQ, ĐV cấp huyện, tỉnh, TW, nộp bản tự đánh giá cho BKH để Thủ trưởng công nhận</p>	<p>a/ Công dân trong xã: HKH xã lập Tổ đánh giá, HKH trình UBND xã công nhận. b/ Người lao động: Tổ đánh giá xét, Thủ trưởng công nhận. c/ Cán bộ CNV, doanh nhân: Thủ trưởng giao phòng/bộ phận CM, NV đánh giá, Thủ trưởng công nhận. d/ Người học: Văn phòng đánh giá, thủ trưởng công nhận.</p>
Mức điểm	<p>80 điểm trở lên, vùng sâu, vùng xa 70 điểm, không có điểm dưới 5 cho tất cả đối tượng. Đạt 5 năm liền là CDHT tiêu biểu</p>	<p>80 điểm trở lên, vùng sâu, vùng xa 70 điểm, không có điểm dưới 5 cho đối tượng Người dân trong xã và nhóm NLĐ. Nhóm cán bộ CNV, doanh nhân: 80 điểm trở lên, không có điểm dưới 5. Nhóm Người học không cho điểm. Không nói đến CDHT tiêu biểu.</p>
Thời điểm	<p>Không qui định</p>	<p>Từ ngày 01/ 01 đến 31/12 của năm đánh giá.</p>

III. Thông tư 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 Quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh

Mục đích: 1. Xác định Đơn vị cấp huyện, Đơn vị cấp tỉnh đạt mức đáp ứng mục tiêu học tập trong từng giai đoạn, lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì, nâng cao các hoạt động học tập của đơn vị; thông báo công khai với cơ quan QLNN và XH về thực trạng chất lượng học tập của đơn vị để CQNN đánh giá, công nhận hoặc không công nhận ĐVHT cấp huyện, tỉnh.

2. Công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực hỗ trợ cho việc học tập, tạo động lực học tập; đảm bảo cơ hội học tập công bằng và điều kiện thuận lợi cho thành viên đơn vị tự học, HTTX để trở thành CDHT góp phần xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh;

1. Một số khái niệm:

- “Đơn vị học tập”: Ở cấp huyện, cấp tỉnh. UBND cấp xã là đơn vị cấp huyện, hội Khuyến học cấp huyện là đơn vị cấp huyện.
- Có 3 tiêu chí, đi kèm mỗi tiêu chí có các chỉ tiêu cụ thể.
- Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định công nhận danh hiệu

- **Có 2 mức độ công nhận:** Mức độ 1 và mức độ 2, mức độ 2 được công nhận ít nhất sau 1 năm.
- **3 tiêu chí (15 chỉ tiêu):** a/ Về điều kiện xây dựng “Đơn vị học tập”; b/ Về kết quả học tập của Thành viên trong đơn vị; c/ Tác dụng của việc xây dựng “Đơn vị học tập”.
- **Riêng tiêu chí Tác dụng của việc xây dựng “Đơn vị học tập”:** Tối thiểu 95% Thành viên đạt “Công dân học tập” theo Quyết định 324/QĐ-KHVN. Đối với Đơn vị cấp huyện là Cơ sở giáo dục đánh giá, công nhận ở cấp huyện tối thiểu 97% người học đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định 324/QĐ-KHVN.
- **Tổ chức đánh giá:** Trường phòng GDĐT thành lập Hội đồng đánh giá, gồm có chủ tịch, thư ký và các ủy viên, số lượng ủy viên là số lẻ, tối thiểu là 05 người. Thành phần gồm đại diện cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; đại diện HKH cấp huyện.
- **Trách nhiệm các cơ quan:** UBND cấp huyện, Chỉ đạo Phòng GDĐT chủ trì phối hợp với Hội Khuyến học cấp huyện và các phòng, ban, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện tổ chức đánh giá, công nhận

IV. Thông tư 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 Quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh

Mục đích

1. Tạo các cơ hội học tập công bằng và điều kiện thuận lợi để mọi người trong xã hội được tham gia học tập, thúc đẩy phong trào HTTX, HTSD, góp phần XDXHHT.

2. Giúp UBND các cấp tự đánh giá thực trạng XDXHHT; xây dựng và thực hiện kế hoạch XDXHHT phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Làm căn cứ để đánh giá, công nhận “CĐHT” cấp xã, huyện, tỉnh.

Một số nội dung liên quan:

- ***Phân biệt khái niệm*** “Cộng đồng học tập” và “Cộng đồng học tập cấp xã.

- ***Tiêu chí: 5 tiêu chí (15 chỉ tiêu):*** a/ Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã; b/ Huy động nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi để thực hiện XDXHHT ở địa phương; c/ Hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ và thư viện công cộng cấp xã, TTVHTT cấp xã; d/ Kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; đ/ Tác dụng của việc xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã.

Quy trình đánh giá, công nhận:

- UBND cấp xã tổ chức tự đánh giá, công nhận.
- Tổ chức cuộc họp đánh giá. Thành phần gồm đại diện lãnh đạo HKH xã; đại diện UBMT, các tổ chức CTXH. Cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận.
- Phòng GDĐT tổ chức đánh giá, quyết định công nhận xã đạt “CĐHT” cấp xã

Thẩm quyền đánh giá, công nhận:

- Giám đốc GDĐT quyết định công nhận huyện đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện. Kết quả công nhận được bảo lưu trong 3 năm (36 tháng) tiếp theo năm được công nhận.

Trách nhiệm của Phòng GDĐT

- Chủ trì phối hợp với HKH cấp huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các tổ chức CTXH cấp huyện tổ chức đánh giá, công nhận.

Trách nhiệm của UBND cấp xã

- Chỉ đạo HKH xã, các tổ chức CTXH cấp xã, TTVHTT cấp xã, thư viện cộng đồng cấp xã và các CSGD trên địa bàn xã tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã.

NỘI DUNG CẦN LƯU Ý

1. Tiếp tục thực hiện quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022
2. Đối tượng của 324/QĐ-KHVN: Những người từ 16 đến 60 tuổi, có cả học sinh, sinh viên. Mỗi công dân chỉ đăng kí 1 nơi, tránh trùng lặp.
3. Các mô hình GDHT, DHHT, CDHT, ĐVHT đều có tiêu chí đánh giá CDHT, khác với tiêu chí giai đoạn 2016-2020.
4. Phương pháp, cách thức, tiến độ thực hiện như đã tập huấn năm trước
5. Cách đánh giá vẫn sử dụng 2 hình thức: Truyền thống và bộ công cụ.
6. Thông tư 24, 25 của Bộ GDĐT ngành GD là cơ quan chủ trì, hội Khuyến học là cơ quan phối hợp

V/ KẾ HOẠCH CỦA HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH

I. Mục đích yêu cầu.

1/ Quán triệt đến CB, HV nội dung các văn bản, chú ý QĐ324/KH-KHVN ngày 25/10/2023

2/ Phối hợp với ngành GDĐT thực hiện Thông tư 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 Quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, cấp tỉnh, Thông tư 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 Quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh của Bộ GDĐT.

3/ Triển khai sâu rộng đến CB, HV, ban khuyến học và tuyên truyền rộng rãi về nhiệm vụ xây dựng các mô hình học tập năm 2024.

II. Nội dung triển khai.

- Nhắc lại bộ tiêu chí các MHHT theo tinh thần Quyết định số 387/QĐ-TTg (Kế hoạch số 123/KH-UBND).
- Triển khai Quyết định số 324/QĐ-KHVN.
- Thông tư 24/2023/TT-BGDĐT về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, cấp tỉnh; Thông tư 25/2023/TT-BGDĐT về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.
- Triển khai việc đăng kí, xét duyệt, công nhận danh hiệu Công dân học tập bằng bộ công cụ.

III. Các bước triển khai.

Cấp tỉnh: Tổ chức hội nghị cho UVBCH, thành viên Ban KH ở nơi đã thành lập Ban KH, nơi chưa thành lập mời đại diện lãnh đạo.

Cấp huyện: Hội Khuyến học xây dựng kế hoạch triển khai cho đơn vị mình, phối hợp với Trung tâm Chính trị cấp huyện tổ chức hội nghị triển khai. *Đối tượng triển khai:* Ủy viên BCH hội Khuyến học huyện, Chủ tịch hội Khuyến học các xã, phường, thị trấn, Chi hội trưởng Chi hội Khuyến học ấp, khu phố, đại diện các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện, lãnh đạo TTVHTTHTCĐ xã, phường, thị trấn.

Cấp xã: HKH xây dựng kế hoạch triển khai cho CB, HV, BGH các trường. Việc triển khai chia thành nhiều đợt, đến hết năm 2025 triển khai đến 100% CB, HV. Riêng mô hình CDHT chú ý để không bỏ sót hoặc trùng lặp đối tượng đăng kí.

IV/ Kinh phí và thời gian triển khai.

Cấp huyện: Theo sự phối hợp giữa TTCT huyện và HKH huyện.

Cấp xã: Kinh phí do NSNN cấp theo Chương trình XDXHHT.

Thời gian triển khai: Cấp huyện triển khai vào cuối tháng 3 và tháng 4/2024; Cấp xã triển khai trong tháng 5/2024.

V. Tổ chức thực hiện.

Hội Khuyến học tỉnh:

In ấn, sao gửi tài liệu và file power point. Chuẩn bị đội ngũ BCV khi có yêu cầu. Theo dõi, giúp đỡ các đơn vị. Phối hợp với báo, Đài PTTH tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về nội dung nhiệm vụ XDXHHT năm 2024

Hội Khuyến học các huyện, thành phố:

Tham mưu UBND ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện XDMHHT trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch triển khai, giúp đỡ các xã, phường, thị trấn triển khai đến cán bộ, hội viên. Phối hợp các cơ quan truyền thông ở địa phương tuyên truyền về nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập.

Hội Khuyến học cấp xã:

Báo cáo UBND về nhiệm vụ XDMHHT năm 2024. Xây dựng KH triển khai, phân công trách nhiệm cho các thành viên, tổ chức hội nghị triển khai cho CB, HV. Theo dõi việc thực hiện, phát hiện những vướng mắc, khó khăn phản ánh để các cấp có thẩm quyền giải quyết. Phối hợp Đài truyền thanh tuyên truyền về nhiệm vụ

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- 1/ *Hội Khuyến học* các huyện báo cáo UBND về nội dung xây dựng các mô hình học tập năm 2024. Căn cứ kế hoạch của tỉnh hội từng đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện của đơn vị mình.
- 2/ *Tổ chức hội nghị* quán triệt các văn bản mới về XDXHHT đến cán bộ, hội viên. Chú ý đi sâu quyết định 324/QĐ-KHVN.
- 3/ *Tổ chức đăng kí* bổ sung xây dựng các MHHT năm 2024.
- 4/ *Về mô hình CDHT* tiếp tục sử dụng bộ công cụ trong việc xét duyệt công nhận danh hiệu. Đồng thời sử dụng 2 cách đánh giá công nhận danh hiệu.
- 5/ *Phối hợp Phòng GDĐT* trong việc triển khai các Thông tư 24, 25 của BỘ GDĐT.
- 6/ *Việc xét duyệt, công nhận* các danh hiệu phải bám sát tiêu chí, thực hiện đúng qui trình. Riêng thành phố Long Khánh cần quan tâm kết hợp nhiệm vụ xây dựng thành phố Học tập toàn cầu theo tiêu chí UNESCO.